

Số: 8510 /QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 49/NQ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới;

Thực hiện Quyết định số 4915/QĐ-UBND ngày 22/7/2014 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động số 29-CTr/TU của Thành ủy Đà Nẵng thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) về hội nhập quốc tế;

Xét đề nghị của Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 49/NQ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chuyên môn thuộc UBND thành phố và Chủ tịch UBND các quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Phùng Tấn Việt**

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết số 49/NQ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới

(Ban hành kèm theo Quyết định số 8510 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

I. MỤC TIÊU

Nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết số 49/NQ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới; đồng thời triển khai nội dung công tác hội nhập kinh tế quốc tế (HNKTQT) theo Quyết định số 4915/QĐ-UBND ngày 22/7/2014 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động số 29-CTr/TU của Thành ủy Đà Nẵng thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) về hội nhập quốc tế

Xác định HNKTQT là nhiệm vụ trọng tâm, đẩy mạnh HNKTQT trên cơ sở nâng cao nội lực của nền kinh tế địa phương; nâng cao hiệu quả HNKTQT, đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với tái cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, khai thác tối đa những cơ hội do HNKTQT mang lại và giảm thiểu những thách thức, tác động tiêu cực trong quá trình đất nước hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, để góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, nâng cao năng lực cạnh tranh, xây dựng Đà Nẵng phát triển toàn diện và bền vững về mọi mặt, trở thành thành phố động lực của khu vực Miền Trung – Tây Nguyên.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách về phát triển kinh tế; tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính

a) Tiếp tục rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các cam kết HNKTQT tại các sở, ngành, đơn vị. Rà soát, sửa đổi (hoặc kiến nghị sửa đổi) các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách đã ban hành; chủ động rà soát ngay từ khâu soạn thảo đến quy

trình xây dựng, triển khai các cơ chế, chính sách mới của thành phố theo từng ngành, lĩnh vực cụ thể để đảm bảo phù hợp với những cam kết HNKTQT mà Việt Nam tham gia, nhằm tạo môi trường pháp lý minh bạch, thuận lợi cho các doanh nghiệp trên địa bàn đầu tư sản xuất, kinh doanh.

b) Nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính; tiếp tục thực hiện Đề án 30 về đơn giản hóa thủ tục hành chính, tập trung vào công tác đơn giản hoá thủ tục gắn với đổi mới phương thức điều hành, tạo sự công khai, minh bạch trong quản lý nhà nước.

c) Đôn đốc, kiểm tra tình hình, đảm bảo thực hiện thông suốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông, một cửa hiện đại tại các sở, ban, ngành, quận, huyện.

d) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến từng lĩnh vực, ngành nghề cụ thể và các thủ tục hành chính có liên quan trên các trang thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành; công bố công khai, minh bạch mọi chính sách, cơ chế quản lý, quy trình tác nghiệp, người chịu trách nhiệm và thời hạn giải quyết công việc của các cơ quan nhà nước, các đơn vị cung cấp dịch vụ công để các doanh nghiệp và người dân biết, liên hệ giải quyết công việc và tham gia giám sát việc thực hiện của CBCC. Tiến hành đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp và người dân ngay tại thời điểm được phục vụ.

đ) Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai xây dựng chính quyền điện tử. Phấn đấu duy trì thứ hạng trong nhóm dẫn đầu cả nước về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tạo điều kiện để thu hút mạnh các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, các nhà đầu tư lớn, có công nghệ cao, công nghệ nguồn, nhất là các công ty, tập đoàn đa quốc gia.

2. Nâng cao nội lực kinh tế của thành phố, thúc đẩy các cơ chế hỗ trợ tối đa cho doanh nghiệp phù hợp với các cam kết trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế

a) Thực hiện có hiệu quả chủ trương đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng hiện đại, trong đó chú trọng phát triển các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, công nghiệp công nghệ cao và công nghệ thông tin, góp phần tạo nền tảng vững chắc cho quá trình hội nhập.

b) Tiếp tục triển khai có hiệu quả các đề án, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, chương trình xúc tiến thương mại, đầu tư, du lịch của thành phố, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trên địa bàn nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu, ứng dụng thương mại điện tử, áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào các ngành, lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, tiếp cận thị trường quốc tế nhằm thúc đẩy thương mại và các quan hệ quốc tế khác, từ đó thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế xã hội.

c) Hoàn thiện và nhất quán các chính sách để thu hút đầu tư trong nước và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đặc biệt là các công ty, tập đoàn đa quốc gia, vào các lĩnh vực thành phố định hướng ưu tiên bao gồm dịch vụ thương mại, du lịch, công nghệ cao và công nghệ thông tin. Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật, trong đó đẩy nhanh việc hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp, khu công nghệ cao và công nghệ thông tin tập trung mà thành phố đang kêu gọi đầu tư.

d) Chủ động và tích cực trong việc đa dạng hóa các hình thức đầu tư. Bên cạnh thu hút FDI, viện trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO), cần tiếp tục đẩy mạnh các hình thức hợp tác khác như hợp tác công – tư (PPP) và hợp đồng hợp tác kinh doanh.

3. Điều tiết tình hình thị trường, đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong tiếp cận các nguồn lực và phát triển kinh tế - xã hội, góp phần phát triển đồng bộ các yếu tố của nền kinh tế thị trường

a) Khuyến khích, phát huy hiệu quả các nguồn lực của các thành phần kinh tế, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên các lĩnh vực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Thực hiện các biện pháp đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh, xử lý nghiêm các hành vi gian lận thương mại, đầu cơ tăng giá, thao túng thị trường, vi phạm pháp luật cạnh tranh.

b) Tăng cường các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ để khuyến khích đầu tư cho sáng tạo, phát triển và đổi mới công nghệ; ưu tiên phát triển thị trường công nghệ, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, đặc biệt là công nghệ tiên tiến, công nghệ cao.

c) Thực hiện các biện pháp điều tiết cung, cầu lao động trên thị trường lao động nhằm đảm bảo sự ổn định, cân bằng trên thị trường, đáp ứng nhu cầu của cả doanh nghiệp và người lao động.

d) Phát triển và phát huy tối đa vai trò của các hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp, Hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng nhằm thúc đẩy môi trường cạnh tranh lành mạnh.

4. Hiện đại hóa nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn và kinh tế biển

a) Tập trung phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp, tăng cường liên kết trong sản xuất gắn với tiêu thụ nhằm cung cấp các sản phẩm nông nghiệp chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Nâng cao năng lực quản lý bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng và tăng cường công tác phòng chống thiên tai, phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, con vật nuôi.

b) Xây dựng thành phố trở thành trung tâm kinh tế biển, động lực phát triển khu vực miền Trung – Tây Nguyên hướng ra biển Đông và các nước tiểu vùng Mêkông; phát triển Đà Nẵng trở thành 1 trong 5 trung tâm nghề cá lớn của cả nước gắn với ngư trường Biển Đông và Hoàng Sa; phát triển Cảng Đà Nẵng thành cảng tổng hợp quốc gia, cảng đầu mối khu vực (loại I), về lâu dài phát triển để đảm nhận vai trò cảng cửa ngõ quốc tế của khu vực miền Trung.

5. Các vấn đề về tài nguyên, môi trường, an ninh quốc phòng và an sinh xã hội

a) Tiếp tục thực hiện Đề án “Xây dựng Đà Nẵng - thành phố Môi trường” đến năm 2020. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó chú trọng: Tiếp tục duy trì và phát triển các hoạt động hợp tác quốc tế với các nước có lợi thế trong lĩnh vực khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường (BVMT); áp dụng các quy định quốc tế về tiêu chuẩn môi trường. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về BVMT của các tổ chức, cá nhân; đồng thời đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra môi trường của đối với các cơ sở sản xuất trong và ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp ...

b) Chú trọng kết hợp kinh tế với an ninh, quốc phòng trên các vùng biển, đảo và các địa bàn chiến lược; đảm bảo tốt an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh thông tin; tập trung vào các lĩnh vực xuất nhập cảnh, văn phòng đại diện nước ngoài, các hoạt động đối ngoại, các khu công nghiệp và chế xuất.

c) Xây dựng và triển khai hiệu quả các giải pháp thực hiện chính sách an sinh và công bằng xã hội trong bối cảnh HNKTQT. Tiếp tục vận động vốn ODA, vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO) hỗ trợ giảm nghèo, hỗ trợ người khuyết tật, bảo vệ và chăm sóc trẻ em.

6. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác HNKTQT; phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập

a) Tiếp tục triển khai và hoàn thiện chính sách thu hút nhân lực chất lượng cao của thành phố; Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.

b) Đẩy mạnh việc nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý và công tác chuyên môn liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp tới HNKTQT tại các sở, ban, ngành, quận, huyện của thành phố. Công tác đào tạo bồi dưỡng cần đẩy mạnh thông qua nhiều hình thức đào tạo đa dạng và tiến hành thường xuyên, liên tục; tạo điều kiện cho đội ngũ các cán bộ này tham gia các khóa đào tạo để nâng cao khả năng chuyên môn và các kỹ năng trong triển khai công tác HNKTQT (như lập kế hoạch, tổ chức công việc, thuyết trình, đàm phán, giao tiếp quốc tế, kỹ năng ngoại ngữ...); chủ động

tìm kiếm nguồn tài trợ để xây dựng, triển khai các chương trình bồi dưỡng, đào tạo cho cán bộ làm công tác HNKTQT.

c) Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư cho giáo dục, đào tạo; quản lý tốt các chương trình liên kết đào tạo, chương trình tiên tiến; nâng cao hiệu quả các chương trình học bổng của các nước, tổ chức quốc tế dành cho Việt Nam nói chung và thành phố nói riêng.

d) Tập trung đầu tư đào tạo nghề trình độ cao để tạo ra một đội ngũ công nhân kỹ thuật có trình độ tay nghề vững, đủ khả năng tiếp cận với công nghệ sản xuất tiên tiến, thiết bị kỹ thuật hiện đại, có khả năng tham gia cạnh tranh trong thị trường sức lao động trong nước và quốc tế, bao gồm việc cung cấp nguồn nhân lực cho xuất khẩu lao động.

7. Công tác nghiên cứu, dự báo, đánh giá

a) Tổ chức thực hiện các chương trình, đề tài nghiên cứu, dự báo, đánh giá về tác động của việc thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, các cơ chế, chính sách đối với các lĩnh vực kinh tế - xã hội ở địa phương và khu vực, làm cơ sở thực hiện những bước đổi mới, phát triển tiếp theo.

b) Tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành trong việc cung cấp thông tin phục vụ cho quá trình nghiên cứu và sử dụng các kết quả nghiên cứu, dự báo, đánh giá.

c) Tiếp tục nâng cao năng lực công tác hội nhập kinh tế quốc tế tại địa phương nhằm đảm bảo cho công tác hội nhập được triển khai thống nhất, xuyên suốt.

8. củng cố, tăng cường cơ chế phối hợp, giám sát triển khai công tác hội nhập kinh tế quốc tế

a) Tăng cường sự tham gia và phối hợp giữa các Sở, ban, ngành, địa phương; giữa cơ quan quản lý nhà nước với các hiệp hội doanh nghiệp và doanh nghiệp trong việc hoạch định và triển khai chính sách về kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế, đảm bảo được sự minh bạch, nhất quán, cân bằng được lợi ích tổng thể về kinh tế - chính trị, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước.

b) Tăng cường sự phối hợp liên ngành, liên vùng trong việc xây dựng và triển khai các chiến lược, chương trình hành động, đề án phát triển kinh tế... để phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả nền kinh tế trong cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế.

c) Rà soát, khắc phục sự chông chéo giữa ngành trong việc triển khai các nhiệm vụ liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế.

d) Chú trọng việc đôn đốc, kiểm tra quá trình thực hiện chương trình về hội nhập kinh tế quốc tế tại các sở, ban ngành và các quận, huyện để kịp thời nắm bắt những vấn đề phát sinh và đề xuất phương hướng giải quyết.

9. Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về HNKTQT

a) Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức và ý thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh và nhân dân về HNKTQT theo từng lĩnh vực, địa bàn được phân công. Nội dung tuyên truyền tập trung theo hướng kịp thời phổ biến những vấn đề mang tính thời sự, những vấn đề mới và những vấn đề mang tính định hướng; tạo được sự kiên định và đồng thuận cao đối với những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về HNKTQT trong các tầng lớp nhân dân; đồng thời chú trọng tuyên truyền, phổ biến chuyên sâu cho cộng đồng doanh nghiệp các nội dung cam kết HNKTQT và lộ trình thực thi cam kết của Việt Nam (các nội dung về tổ chức thương mại thế giới (WTO), Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), các hiệp định FTA, RCEP, TPP và các hiệp định liên quan khác mà Việt Nam đã và sẽ tham gia), nhằm giúp doanh nghiệp tận dụng tốt những cơ hội tiếp cận, mở rộng thị trường, chủ động ứng phó với những thách thức do HNKTQT mang lại để nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

b) Đa dạng hóa các hình thức (như hội nghị, hội thảo, lớp tập huấn, xuất bản các ấn phẩm, bản tin hội nhập, đăng tải thông tin trên các phương tiện thông tin truyền thông, báo viết và báo mạng...) và nội dung thông tin truyền thông, đảm bảo phù hợp, dễ hiểu và dễ nắm bắt đến đối tượng thụ hưởng. Ưu tiên và chú trọng các đối tượng là cán bộ quản lý và cán bộ trực tiếp làm công tác HNKTQT của các sở, ban, ngành, quận, huyện.

c) Tích cực phối hợp với Ban chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế và các cơ quan trung ương để tổ chức thực hiện tốt Đề án tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về HNKTQT, trong đó chú trọng việc tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo phổ cập và chuyên sâu các kiến thức về HNKTQT trên địa bàn.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ quan đầu mối, thường trực về công tác hội nhập kinh tế quốc tế

- Sở Công Thương là cơ quan đầu mối, giúp việc cho UBND thành phố về hội nhập kinh tế quốc tế, có trách nhiệm tham mưu cho UBND thành phố, theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện công tác hội nhập quốc tế theo lĩnh vực và địa bàn được phân công tại chương trình này.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương tham mưu UBND thành phố cụ thể hóa và triển khai các chính sách, chiến lược liên quan đến HNKTQT, lồng ghép

các nội dung về HNKTQT vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, đảm bảo tính liên kết vùng, liên kết ngành.

- Củng cố và kiện toàn bộ phận đầu mối phụ trách công tác HNKTQT cũng như nhân sự giúp việc chuyên trách ổn định để có thể theo dõi vấn đề HNKTQT thường xuyên và lâu dài. Trong quá trình hoạt động phải đảm bảo sự phối hợp, gắn kết chặt chẽ với hoạt động của Ban chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế (thường trực là Bộ Công Thương) để đảm bảo triển khai công tác HNKTQT xuyên suốt từ trung ương đến địa phương.

- Tổng hợp những vướng mắc, đề xuất các giải pháp nhằm thực hiện tốt công tác HNKTQT; thực hiện báo cáo tổng hợp định kỳ hàng năm hoặc báo cáo đột xuất (nếu có yêu cầu) về công tác HNKTQT cho UBND thành phố và Ban chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế (Bộ Công Thương).

2. Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện

- Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện có trách nhiệm căn cứ Chương trình này, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao lồng ghép vào các chương trình, nhiệm vụ công tác hàng năm của đơn vị, bảo đảm hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí.

- Thường xuyên nắm bắt thuận lợi, khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện các cam kết HNKTQT, đặc biệt thông qua thông tin phản ánh từ cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn. Rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các cam kết HNKTQT; chủ động nghiên cứu và đề xuất lên UBND thành phố phương hướng, giải pháp triển khai hiệu quả các cam kết HNKTQT theo lĩnh vực và địa bàn phụ trách.

- Thực hiện báo cáo định kỳ hàng năm (trước ngày 15/12) hoặc báo cáo đột xuất (nếu có yêu cầu) về kết quả triển khai công tác HNKTQT về UBND thành phố (thông qua Sở Công Thương).

Trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình hành động này, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các Sở, ban, ngành và đơn vị chủ động báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để xem xét, giải quyết (thông qua Sở Công Thương)./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phùng Tấn Việt

DANH MỤC NHỮNG CÔNG VIỆC TRỌNG TÂM CẦN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 8510 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2015 của UBND thành phố Đà Nẵng)

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CHÚ THÍCH
1	Hoàn thiện cơ chế, chính sách về phát triển kinh tế; Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính				
1.1	Tăng cường kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL liên quan tới công tác HNKTQT và việc thực hiện các cam kết HNKTQT của thành phố; chủ động rà soát ngay từ khâu soạn thảo đến quy trình xây dựng các cơ chế, chính sách theo từng ngành, lĩnh vực cụ thể đảm bảo phù hợp với các cam kết HNKTQT.	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Sở Tư pháp	Hàng năm	
1.2	Xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện các thỏa thuận hợp tác với hải quan khu vực và các nước khác khi Việt Nam là thành viên chính thức của Tổ chức Hải quan thế giới (WCO), triển khai thực hiện các thủ tục Hải quan bằng các phương thức hiện đại, minh bạch tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại.	Cục Hải quan	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Hàng năm	
1.3	Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2020 tại thành phố Đà Nẵng	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Thực hiện theo Kế hoạch triển khai Chương trình	Quyết định số 10598/QĐ-UBND ngày 12/12/2011 của UBND thành phố Đà Nẵng
1.4	Triển khai có hiệu quả Website khảo sát mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với các dịch vụ hành chính công và phần mềm đánh giá CBCC, VC.	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Hàng năm	
1.5	Tiếp tục triển khai thực hiện Lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại thành phố Đà Nẵng (giai đoạn 2011 -2015, định hướng đến năm 2020)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Thực hiện theo Lộ trình	Quyết định số 2614/QĐ-UBND ngày 16/4/2013

					của UBND TP Đà Nẵng
1.6	Triển khai có hiệu quả áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015; Phát triển đồng bộ và song hành giữa hiện đại hóa công sở và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong hoạt động quản lý, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính.	Các sở, ban, ngành, đơn vị		Hàng năm	
1.7	Đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức tại bộ phận một cửa và công tác chuyên môn liên quan trực tiếp tới việc thực hiện các TTHC, giao dịch pháp lý có yếu tố nước ngoài trong lĩnh vực Tư pháp; bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho đội ngũ giám định viên, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ luật sư, công chứng viên, đấu giá viên... đáp ứng yêu cầu HNKTQT.	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Hàng năm	
2	Nâng cao nội lực kinh tế của thành phố, thúc đẩy các cơ chế hỗ trợ tối đa cho doanh nghiệp phù hợp với các cam kết trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế				
2.1	Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ và hiệu quả Đề án Phát triển doanh nghiệp Đà Nẵng đến năm 2020 và Đề án Tái cơ cấu kinh tế thành phố Đà Nẵng đến năm 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện	Hàng năm	Quyết định số 9644/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 và Quyết định 2156/QĐ-UBND ngày 15/4/2015 của UBND TP. Đà Nẵng
2.2	Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Phát triển dịch vụ thành phố Đà Nẵng đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020”; xây dựng và triển khai hiệu quả, đồng bộ các đề án, chương trình, kế hoạch thực hiện các nội dung cụ thể của Đề án “Phát triển dịch vụ TP. Đà Nẵng đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020”	Sở Kế hoạch & Đầu tư; và các đơn vị chủ trì theo phân công	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Thực hiện theo kế hoạch triển khai Đề án	Quyết định số 2550/QĐ-UBND và 2551/QĐ-UBND ngày 05/04/2012 của UBND TP Đà Nẵng

2.3	Nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư trong nước và nước ngoài, trong đó chú trọng thu hút đầu tư nước ngoài vào các ngành dịch vụ thương mại, du lịch, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, sản xuất công nghiệp sạch ít gây ô nhiễm môi trường,...; rà soát, điều chỉnh các chính sách thu hút đầu tư, hỗ trợ, hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư tìm hiểu, tiếp cận chính sách, quy định pháp luật về đầu tư; xây dựng, triển khai thực hiện dự án đầu tư.	Sở Kế hoạch & Đầu tư; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư; BQL Khu Công nghệ cao	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Hàng năm	
2.4	Triển khai các kế hoạch thực hiện chỉ đạo của Trung ương về tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hàng năm tổ chức hội nghị gặp gỡ doanh nghiệp trên địa bàn nhằm tháo gỡ khó khăn, phát triển hoạt động sản xuất- kinh doanh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Hàng năm	
2.5	Triển khai thực hiện các đề tài, dự án, chương trình, kế hoạch nhằm thực hiện nhiệm vụ xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; phát triển dịch vụ khoa học công nghệ; hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới công nghệ, đăng ký và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, xây dựng và phát triển thương hiệu.	Sở Khoa học & Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Hàng năm	
2.6	Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Hàng năm	
2.7	Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của Điểm hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) thành phố, góp phần thực hiện tốt công tác hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	Hàng năm	
2.8	Triển khai thực hiện Quyết định số 5269/QĐ-UBND ngày 27/7/2015 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế tại thành phố Đà Nẵng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	2016-2020	
2.9	Xúc tiến đầu tư và xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu Công viên phần mềm số 2 và Khu Công nghệ thông tin tập trung số 2	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	2016-2020	

3	Điều tiết tình hình thị trường, đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong tiếp cận các nguồn lực và phát triển kinh tế - xã hội, góp phần phát triển đồng bộ các yếu tố của nền kinh tế thị trường				
3.1	Thực hiện các biện pháp đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh, xử lý nghiêm các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, làm hàng giả, đầu cơ tăng giá, thao túng thị trường, vi phạm pháp luật cạnh tranh.	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Hàng năm	
3.2	Khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế, đặc biệt là hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ và doanh nghiệp tư nhân.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Hàng năm	
3.3	- Phát triển thị trường khoa học và công nghệ thành phố Đà Nẵng đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030”. - Tăng cường các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ để khuyến khích đầu tư cho sáng tạo, phát triển và đổi mới công nghệ; ưu tiên phát triển thị trường công nghệ, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, đặc biệt là công nghệ tiên tiến, công nghệ cao.	Sở Khoa học & Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Hàng năm	
3.4	Thực hiện các biện pháp điều tiết cung, cầu lao động trên thị trường lao động nhằm đảm bảo sự ổn định, cân bằng trên thị trường, đáp ứng nhu cầu của cả doanh nghiệp và người lao động.	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Hàng năm	
4	Hiện đại hóa nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn và kinh tế biển				
4.1	Triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 34-Ctr/TU của Thành ủy Đà Nẵng trên lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn và kinh tế biển thành phố Đà Nẵng đến năm 2020.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Đến năm 2020	Quyết định số 6168/QĐ-UBND ngày 28/8/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng
5	Các vấn đề về tài nguyên, môi trường, an ninh quốc phòng và an sinh xã hội				

5.1	Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án "Xây dựng Đà Nẵng - Thành phố môi trường" đến năm 2020"	Sở Tài nguyên & môi trường	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Hàng năm	Được UBND thành phố phê duyệt vào tháng 10-2008
5.2	Tiếp tục duy trì và phát triển các hoạt động hợp tác quốc tế với các nước có lợi thế trong lĩnh vực khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường. Áp dụng các quy định quốc tế về tiêu chuẩn môi trường.	Sở Tài nguyên & môi trường	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Hàng năm	
5.3	Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về BVMT của các tổ chức, cá nhân. Đồng thời đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra môi trường của đối với các cơ sở sản xuất trong và ngoài KCN, CCN...	Sở Tài nguyên & môi trường	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Hàng năm	
5.3	Tập trung rà soát, triển khai các kế hoạch, phương án bảo vệ tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội quan trọng diễn ra trên địa bàn thành phố; chủ động nắm bắt và kiểm soát tình hình, các hoạt động hợp tác kinh tế với nước ngoài; phát hiện sớm và triệt tiêu những nhân tố bên trong, những vấn đề nhạy cảm, chiều hướng phát triển của các loại tội phạm, đặc biệt là tội phạm công nghệ cao, tội phạm có tổ chức, có yếu tố nước ngoài,... để chủ động phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn không để xảy ra sự cố đột biến bất ngờ.	Công an thành phố, Bộ đội Biên phòng	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Hàng năm	
5.4	Tiến hành triển khai Quy hoạch điều chỉnh tổng thể ngành Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2016 – 2020	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Thực hiện theo Quy hoạch	
5.5	Tiếp tục vận động vốn ODA, vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO) hỗ trợ giảm nghèo, hỗ trợ người khuyết tật, bảo vệ và chăm sóc trẻ em.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Hàng năm	

5.6	Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình “Thành phố 5 không” giai đoạn 2009-2015 và “Thành phố 3 có” giai đoạn 2011 -2015; xây dựng chương trình cho giai đoạn mới 2016-2020 nhằm đảm bảo an sinh xã hội.	UBND các cấp	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Hàng năm	
6	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác HNKTQT; phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập				
6.1	Tiếp tục triển khai và hoàn thiện chính sách thu hút, phát triển nguồn nhân lực của thành phố đáp ứng nhu cầu xây dựng kinh tế - xã hội thời kỳ hội nhập; bố trí công tác tại các cơ quan đơn vị có chức năng liên quan đến lĩnh vực HNKTQT trên cơ sở nhu cầu của đơn vị.	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Hàng năm	
6.2	Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức theo vị trí việc làm, trong đó có các vị trí thuộc lĩnh vực HNKTQT, kinh tế đối ngoại, quan hệ quốc tế.	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Hàng năm	
6.3	Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án Quy hoạch phát triển nhân lực thành phố 2011-2020.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Thực hiện theo kế hoạch triển khai Đề án	Quyết định số 5882/QĐ-UBND ngày 23/7/2012 của UBND TP. Đà Nẵng
6.4	Triển khai thực hiện Kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin - truyền thông thành phố Đà Nẵng đến năm 2020	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Thực hiện theo Kế hoạch được phê duyệt	Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 24/01/2011 của UBND TP. Đà Nẵng
6.5	Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư cho giáo dục, đào tạo; quản lý tốt các chương trình liên kết đào tạo, chương trình tiên tiến; nâng cao hiệu quả các chương trình học bổng của các nước, tổ chức quốc tế dành cho Việt Nam nói chung và thành phố nói riêng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Hàng năm	

6.6	Tăng cường công tác đào tạo ngoại ngữ (Tiếng Anh, Nhật, Hàn, Thái, Trung...) để đảm bảo nguồn nhân lực cho các hoạt động đối ngoại và kinh tế đối ngoại của thành phố, đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và cơ quan quản lý nhà nước cả về số lượng lẫn chất lượng.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Hàng năm	
7	Công tác nghiên cứu, dự báo, đánh giá				
7.1	Tổ chức thực hiện các chương trình, đề tài nghiên cứu, dự báo, đánh giá về tác động của việc thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế và các cơ chế, chính sách; thực hiện tốt việc trao đổi, cung cấp thông tin giữa các sở, ban, ngành phục vụ cho quá trình nghiên cứu và sử dụng các kết quả nghiên cứu, dự báo, đánh giá đối với các lĩnh vực kinh tế - xã hội ở địa phương và khu vực làm cơ sở thực hiện những bước đổi mới, phát triển tiếp theo	Sở Công Thương và các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Các cơ quan, tổ chức nghiên cứu quốc tế, trung ương	Hàng năm	
7.2	Nâng cao hiệu quả công tác dự báo, đánh giá, tổng hợp và cung cấp thông tin, tư vấn doanh nghiệp về HTKTQT	Sở Công Thương và các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Các Bộ, ngành trung ương; các Viện nghiên cứu; các Trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp	Hàng năm	
8	Công tác phối hợp, giám sát triển khai công tác hội nhập kinh tế quốc tế				
8.1	Tăng cường sự tham gia và phối hợp giữa các Sở, ban, ngành, giữa cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp, thực hiện tham vấn doanh nghiệp và các bên có liên quan trong việc hoạch định và triển khai chính sách về kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế, đảm bảo được sự minh bạch, nhất quán, cân bằng được lợi ích tổng thể về kinh tế - chính trị, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước.	Các Sở, ban ngành, UBND các quận, huyện và các đơn vị		Hàng năm	
8.2	Tăng cường sự phối hợp liên ngành, liên vùng trong việc xây dựng và triển khai các chiến lược, chương trình hành động, đề án phát triển kinh tế... để phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả nền kinh tế trong cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế.	Các Sở, ban ngành, UBND các quận, huyện và các đơn vị	Các bộ, ngành trung ương; các tỉnh, thành khác		

8.3	Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất; Nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan đầu mối về công tác hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó làm tốt công tác phối hợp với Ban chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế để đảm bảo sự triển khai thông suốt công tác này từ trung ương đến địa phương; thực hiện tốt việc đôn đốc, kiểm tra quá trình thực hiện chương trình về hội nhập kinh tế quốc tế tại các sở, ban ngành và các quận, huyện để kịp thời nắm bắt những vấn đề phát sinh và đề xuất phương hướng giải quyết.	Sở Công Thương	Các Sở, ban ngành, UBND các quận, huyện và các đơn vị liên quan		
9	Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về HNKTQT				
9.1	Xây dựng và triển khai thực hiện tốt Kế hoạch thông tin tuyên truyền về HNKTQT đến năm 2020 của thành phố; phối hợp chặt chẽ với Ban chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế (Bộ Công Thương thường trực) triển khai thực hiện Đề án tăng cường thông tin tuyên truyền về HNKTQT, trong đó chú trọng việc tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo phổ cập và chuyên sâu các kiến thức về HNKTQT cho các cán bộ QLNN và cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn.	Sở Công Thương và các sở, ban, ngành	Các sở, ban, ngành liên quan	Hàng năm	
9.2	Thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về chính sách pháp luật, triển khai kịp thời các VBQPPL, các kế hoạch và chương trình hành động về HNKTQT của thành phố, của các sở, ban, ngành đến các CBCC-VC các đơn vị, doanh nghiệp.	Sở Công Thương và các Sở, ban, ngành, đơn vị		Hàng năm	
9.3	Triển khai thực hiện hiệu quả hoạt động thông tin đối ngoại của thành phố; Xây dựng và thực hiện các chương trình phát thanh, truyền hình, thông tin truyền thông và phát hành các ấn phẩm về HNKTQT và gia nhập WTO của Việt Nam và địa phương.	Sở Thông tin – Truyền thông, các Báo, Đài	Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Hàng năm	